TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **09** /2020/ HNGĐ - ST
Ngày 08/ 5 / 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Ngọc Đức Minh
2. Ông Lương Văn Hoàng

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Hoàng Thị Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà***: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/HNGGĐ - ST ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX- ST ngày 12 tháng 3 năm 2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03 ngày 31/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HNGGĐ-ST ngày 22/4/2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975; Có mặt
Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1971; Vắng mặt không có lý do
Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Ngô Văn Đ vào ngày 26 tháng 3 năm 1993 âm lịch, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S.

Cưới xong bà về gia đình ông Đ ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xảy ra từ tháng 02 năm 2010, do cách sống không hợp nhau, ông Đ hay rượu chè, về bà khuyên bảo thì ông Đ chửi mắng vợ con nên vợ chồng hay cãi nhau và ông Đ đã đánh bà nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2010 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa, quá trình sống ly thân ông Đ có đến khuyên bảo bà về 2 lần nhưng bà không về ở chung cùng ông Đ nữa.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông Đ được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 28/11/201994 và cháu Ngô Văn H, sinh ngày 03/11/1996, hiện các cháu đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

c) Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn ông Ngô Văn Đ xác nhận một phần lời khai của bà T trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Vũ Thị T vào tháng 3 năm 1993, trước khi cưới hai bên tự do tìm hiểu và tự nguyện đến lấy nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S. Cưới xong bà T về gia đình ông ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban dầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xảy ra từ đầu năm 2010, do tính cách sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bảo nhau không ai nghe ai nên thường xuyên cãi nhau nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn ông đồng ý.

b) Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 28/11/201994 và cháu Ngô Văn H, sinh ngày 03/11/1996, hiện các cháu đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

c) Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà bà Vũ Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình xin được ly hôn ông Đ.

* Phần tranh luận của các đương sự: Do bị đơn vắng mặt nên không có tranh luận.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị T và ông Ngô Văn Đ được ly hôn nhau.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Ông Đ, bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Ngô Văn Đ, hiện bà T và ông Đ đang cư trú tại huyện Sơn Động. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Vũ Thị T, bị đơn ông Ngô Văn Đ và những tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình, có cơ sở xác định: Bà Vũ Thị T kết hôn với ông Ngô Văn Đ vào ngày 26 tháng 3 năm 1993 âm lịch, hai bên lấy nhau trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã T không số ngày 10/3/1993; cưới xong bà T về ở cùng gia đình ông Đ luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T là hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ đầu năm 2010, do cách sống không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng cãi nhau nhiều lần,vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà và ông Đ được ly hôn nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã sống ly thân về tình cảm một thời gian dài mà không đoàn tụ được, hai bên không còn thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T xin ly hôn, ông Đ vắng mặt nhưng trong lời khai ông Đ đồng ý ly hôn bà T; do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà Vũ Thị T và ông Ngô Văn Đ được ly hôn nhau theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Vợ chồng ông Đ, bà T có 02 con chung là cháu Ngô Thanh T1, sinh ngày 28/11/201994 và cháu Ngô Văn H, sinh ngày 03/11/1996, hiện các cháu đã trưởng thành và ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

c) Về tài sản: Ông Đ, bà T đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị T và ông Ngô Văn Đ được ly hôn nhau.

[2] Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; bà T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số AA/2010/007098, ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Lưu **.**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn